

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 90 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm 02 xe ô tô con loại 05 chỗ ngồi để phục vụ công tác sát hạch lái xe hạng B2

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKH ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 9 ban hành quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương mua sắm 02 xe ô tô con loại 05 chỗ ngồi để phục vụ công tác sát hạch lái xe hạng B2;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 3463/SGTVT-KHTC ngày 25/12/2019 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 05/BCTĐ-STC-QLGCS ngày 14/01/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm 02 xe ô tô con loại 05 chỗ ngồi để phục vụ công tác sát hạch lái xe hạng B2, với các nội dung chính như sau:

1. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu (chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu): 0 đồng.

2. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Tên gói thầu	Bên mời thầu (cơ quan thực hiện mua sắm)	Giá gói thầu (triệu đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
Gói thầu mua sắm 02 xe ô tô con loại 05 chỗ ngồi để phục vụ công tác sát hạch lái xe hạng B2	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe	1.062 (Chi tiết theo phụ lục đính kèm)	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe	Chào hàng cạnh tranh trong nước	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý I/2020	Trọn gói, không điều chỉnh giá	Tối đa 20 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng
Tổng cộng		1.062	<i>(đã bao gồm thuế VAT, lệ phí trước bạ, phí biển số, phí bảo hiểm, bảo hành và các chi phí khác liên quan)</i>					

Điều 2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm chỉ đạo Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe thực hiện công việc của công tác tổ chức đấu thầu theo đúng quy trình, quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn Luật; đảm bảo thời gian theo quy định, tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP (KT), CNXD, CBTH;
- Lưu: VT, KT an19





PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nội dung thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn giá (Triệu đồng)	Thành tiền (Triệu đồng)	Ghi chú
	Xe ô tô con	02	531	1.062	
1	Số chỗ ngồi: 5				
2	Kiểu dáng: Sedan				
3	Nhiên liệu: Xăng				
4	Xuất xứ: Lắp ráp Việt Nam				
5	Kích thước tổng thể bên ngoài (D x R x C) (mm x mm x mm): 4425x1730x1475				
6	Kích thước tổng thể bên trong (D x R x C) (mm x mm x mm): 1895x1420x1205				
7	Chiều dài cơ sở (mm): 2550				
8	Chiều rộng cơ sở (Trước/ sau) (mm): 1475/1460				
9	Khoảng sáng gầm xe (mm): 133				
10	Góc thoát (Trước/Sau) (độ/degree): N/A				
11	Bán kính vòng quay tối thiểu (m): 5.1				
12	Trọng lượng không tải (kg): 1075				
13	Trọng lượng toàn tải (kg): 1550				
14	Dung tích bình nhiên liệu (L): 42				
15	Kích thước khoang chở hàng (D x R x C) (mm): N/A				
16	Loại động cơ: 2NR-FE (1.5L)				
17	Số xy lanh: 4				
18	Bố trí xy lanh: Thẳng hàng				
19	Dung tích xy lanh: 149				
20	Loại nhiên liệu: Xăng				
21	Công suất tối đa (kW (Mã lực) @ vòng/phút): (79)107/6000				
22	Mô men xoắn tối đa (Nm @ vòng/phút): 140/4200				
23	Tốc độ tối đa: 180				